**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN ĐỊA LÍ LỚP 11**

**1. Khung ma trận đề kiểm tra giữa kì I**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu****(TL)** | **Vận dụng****(TL)** | **Vận dụng cao****(TL)** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Sự khác biệt về trình độ phát triển KT-XH của các nhóm nước** | – Các nhóm nước– Sự khác biệt về kinh tế - xã hội | 4  |  | 4 |  |  | a\* |  |  |
|
|
| **2** | **Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế và an ninh toàn cầu** | – Toàn cầu hoá kinh tế– Khu vực hoá kinh tế– Một số tổ chức khu vực và quốc tế– An ninh toàn cầu | 6 |  | 2 |  |  | a\* |  | b\* |
|
| **3** | **Nền kinh tế tri thức** | – Đặc điểm– Các biểu hiện |  |  |  |  |  | a\* |  |  |
| **4** | **Khu vực Mỹ Latinh** | – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên– Dân cư, xã hội– Kinh tế – Cộng hoà Liên bang Brasil (Bra-xin): Tình hình phát triển kinh tế và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết | 6 |  | 6 |  |  | a\* |  | b\* |
|  | **Tổng hợp chung** |  | **40% - 4 điểm** | **30% - 3 điểm** | **20% -2 điểm** | **10% - 1 điểm** |

**2. Đặc tả đề kiểm tra giữa kì I**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu****(TL)** | **Vận dụng****(TL)** | **Vận dụng cao****(TL)** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Sự khác biệt về trình độ phát triển KT-XH của các nhóm nước** | – Các nhóm nước– Sự khác biệt về kinh tế - xã hội | **Nhận biết**– Trình bày đượcsự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.- Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước**Thông hiểu**– Phân biệt đượccác nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người); cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người.**Vận dụng**– Phân tích được bảng số liệu về kinh tế - xã hội của các nhóm nước. | 4  |  | 4 |  |  | a\* |  |  |
|
|
| **2** | **Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế và an ninh toàn cầu** |  | **Nhận biết**– Trình bày được các biểu hiệncủa toàn cầu hoá kinh tế.– Trình bày được các biểu hiện của khu vực hoá kinh tế.– Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC).**Thông hiểu**– Trình bày được các hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế.– Trình bày được các hệ quả của khu vực hoá kinh tế.- Phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.-Phân tích được ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.**Vận dụng**- Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.**Vận dụng cao**– Trình bày được cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển. | 6 |  | 2 |  |  | a\* |  | b\* |
|
| **3** | **Nền kinh tế****tri thức** | – Đặc điểm– Các biểu hiện | **Vận dụng**– Trình bày đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức. |  |  |  |  |  | a\* |  |  |
| **4** | **Khu vực****Mỹ Latinh** | – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên– Dân cư, xã hội– Kinh tế – Cộng hoà Liên bang Brasil (Bra-xin): Tình hình phát triển kinh tế và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết | **Nhận biết**- Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội– Trình bày được vấn đề đô thị hoá, một số vấn đề về dân cư, xã hội của khu vực.**Thông hiểu**– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.– Phân tích được ảnh hưởng của vấn đề đô thị hoá, vấn đề dân cư, xã hội của khu vực đến phát triển kinh tế – xã hội.– Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.**Vận dụng**– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.– Vẽ đượcbiểu đồ, rút ra nhận xét.**Vận dụng cao**– Giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.– Trình bày tình hình phát triển kinh tế Brasil và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.  | 6 |  | 6 |  |  | a\* |  | b\* |
| **Tổng hợp chung** |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |

**3. Đề kiểm tra giữa kì 1**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 11**

*(Thời gian làm bài 45 phút, không kể thời gian giao đề)*

**I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**Câu 1.** Các nước trên thế giới phân chia thành nước phát triển và nước đang phát triển dựa theo

**A.** trình độ phát triển kinh tế - xã hôi.

**B.** đặc điểm tự nhiên, dân cư và xã hội.

**C.** đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế.

**D.** đặc điểm tự nhiên, trình độ khoa học kĩ thuật.

**Câu 2.** Trong các quốc gia sau đây, quốc gia nào là nước đang phát triển?

 **A.** Hoa Kì. **B.** Nhật Bản. **C.** Bra-xin. **D.** Đức.

**Câu 3.** Ở các nước phát triển, ngành nào sau đây đóng góp nhiều nhất trong GDP?

**A.** Công nghiệp. **B.** Nông nghiệp. **C.** Dịch vụ. **D.** Lâm nghiệp.

**Câu 4**. Nhóm các nước đang phát triển thường có quy mô GDP như thế nào?

**A.** Lớn. **B.** Trung bình và thấp. **C.** Trung bình cao. **D.** Thấp

**Câu 5.** Để phân biệt các nước phát triển và đang phát triển theo trình độ phát triển kinh tế-xã hội **không** sử dụng chỉ tiêu nào sau đây?

**A.** Thu nhập bình quân GNI/người. **B.** Cơ cấu nền kinh tế.

**C.** Chỉ số phát triển con người. **D.** Quy mô dân số và cơ cấu dân số.

**Câu 6.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với các nước phát triển?

**A.** Quy mô GDP lớn, tăng trưởng GDP khá ổn định.

**B.** Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số thấp.

**C.** Trong GDP, ngành dịch vụ có tỉ trọng thấp nhất.

**D.** Trong GDP, ngành nông nghiệp có tỉ trọng thấp nhất.

**Câu 7.** Nguyên nhân quan trọng nhất tạo nên sự khác biệt về cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển là do

**A.** trình độ phát triển kinh tế. **B.** phong phú về tài nguyên.

 **C.** sự đa dạng về chủng tộc. **D.** phong phú nguồn lao động.

 **Câu 8.** Ở nhóm nước phát triển, người dân có tuổi thọ trung bình cao, nguyên nhân chủ yếu là do

 **A.** môi trường sống thích hợp. **B.** chất lượng cuộc sống cao.

 **C.** nguồn gốc gen di truyền. **D.** làm việc và nghỉ ngơi hợp lí.

**Câu 9.** Biểu hiện nào sau đây là của toàn cầu hóa kinh tế?

**A.** Thị trường tài chính quốc tế thu hẹp.

**B.** Các giao dịch quốc tế về thương mại bị hạn chế.

**C.** Các tiêu chuẩn toàn cầu được áp dụng rộng rãi.

**D.** Vai trò của các công ty đa quốc gia giảm sút.

**Câu 10.** Biểu hiện của thị trường tài chính quốc tế được mở rộng là

**A.** sự sáp nhập của các ngân hàng lại với nhau.

**B.** các ngân hàng lớn của các quốc gia kết nối cùng nhau.

**C.** hàng hóa và dịch vụ lưu thông giữa các quốc gia thuận lợi hơn.

**D.** giao dịch bằng thẻ điện tử ngày càng trở lên thông dụng.

**Câu 11.** Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực thường có những nét tương đồng về

**A.** thành phần chủng tộc. **B.** mục tiêu và lợi ích phát triển.

**C.** lịch sử dựng nước, giữ nước. **D.** trình độ văn hóa, giáo dục.

**Câu 12**. Tổ chức thương mại thế giới (WTO) được thành lập và hoạt động từ năm

**A.** 1995. **B.** 1994. **C.** 1989. **D.** 1945.

**Câu 13.** Các tổ chức tài chính quốc tế nào sau đây ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế toàn cầu?

**A.** Ngân hàng châu Âu, Quỹ tiền tệ quốc tế. **B.** Ngân hàng châu Á, Ngân hàng châu Âu.

**C.** Ngân hàng Thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế. **D.** Ngân hàng châu Á, Ngân hàng Thế giới.

**Câu 14**. Mục đích quan trọng nhất của Liên hợp quốc (UN) là

**A.** thúc đẩy hợp tác quốc tế giữa các nước. **B.** phát triển quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.

**C.** duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. **D.** hướng tới nền thương mại toàn cầu tự do.

 **Câu 15.** Khu vực hoá kinh tế **không** bao gồm biểu hiện nào sau đây?

 **A.** Số lượng của các công ty đa quốc gia và chi nhánh không ngừng tăng.

 **B**. Thương mại nội vùng giữa các quốc gia trong cùng khu vực tăng.

 **C.** Nhiều hiệp định kinh tế, chính trị khu vực được kí kết.

 **D.** Nhiều tổ chức liên kết kinh tế khu vực được hình thành.

 **Câu 16.** Nhận thức **không** đúng về xu hướng toàn cầu hóa là

 **A.** quá trình liên kết giữa các quốc gia trên thế giới về nhiều mặt.

 **B.** quá trình liên kết giữa các quốc gia trên thế giới về một số mặt.

 **C.** có tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của nền kinh tế - xã hội thế giới.

 **D.** toàn cầu hóa liên kết giữa các quốc gia từ kinh tế đến văn hóa, khoa học.

**Câu 17.** Mỹ La tinh nằm giữa hai đại dương lớn nào sau đây?

**A.** Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương. **B.** Bắc Băng Dương và Ấn Độ Dương.

**C.** Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. **D.** Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

**Câu 18.** Đồng bằng nào sau đây có diện tích lớn nhất ở Mĩ La tinh?

**A.** Amadôn. **B.** Mixixipi. **C.** La Plata. **D.** Pampa.

**Câu 19.** Dãy núi nổi tiếng nhất ở Mỹ La Tinh là

**A.** An-pơ. **B.** An-tai. **C.** An-đet. **D.** Cooc-đi-e.

**Câu 20.** Phần lớn lãnh thổ Mỹ La Tinh có khí hậu

**A.** nóng, ẩm. **B.** lạnh, khô. **C.** nóng, khô. **D.** lạnh, ẩm.

**Câu 21.** Quốc gia có quy mô dân số đứng đầu Mỹ La tinh là

**A.** Bra-xin. **B.** Mê-hi-cô. **C.** Đô-mi-ni-ca. **D.** Nê-vít.

**Câu 22.** Đặc điểm xã hội nổi bật ở hầu hết các nước Mỹ La Tinh là

**A.** điều kiện sống của dân cư đô thị cao. **B.** tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên rất thấp.

**C.** phần lớn dân cư sống ở nông thôn. **D.** chênh lệch giàu nghèo lớn.

 **Câu 23.** Lợi thế chủ yếu nhất để các nước Mỹ La Tinh có thể phát triển các cây công nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới là

 **A.** thị trường tiêu thụ rộng lớn. **B.** có nhiều loại đất khác nhau.

 **C.** có nhiều cao nguyên bằng phẳng. **D.** có khí hậu nhiệt đới điển hình.

 **Câu 24.** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây đã làm cho tốc độ phát triển kinh tế không đều, đầu tư nước ngoài giảm mạnh ở Mĩ La tinh?

 **A.** Chính trị không ổn định. **B.** Cạn kiệt dần tài nguyên.

 **C.** Thiếu lực lượng lao động. **D.** Thiên tai xảy ra nhiều.

 **Câu 25.** Hiện tượng đô thị hóa tự phát ở Mĩ La tinh gây ra hậu quả là

 **A.** hiện đại hóa sản xuất. **B.** thất nghiệp, thiếu việc làm.

 **C.** quá trình công nghiệp hóa. **D.** chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

 **Câu 26.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tự nhiên của Mĩ La tinh?

 **A.** Cảnh quan thiên nhiên đa dạng. **B.** Tài nguyên khoáng sản phong phú.

 **C.** Khoáng sản chủ yếu là kim loại màu. **D.** Hầu hết lãnh thổ có khí hậu ôn đới lục địa.

 **Câu 27.** Biểu hiện rõ rệt của việc cải thiện tình hình kinh tế ở nhiều nước Mĩ La tinh là

 **A.** giảm nợ nước ngoài, đẩy mạnh nhập khẩu.

 **B.** xuất khẩu tăng nhanh, khống chế được lạm phát.

 **C.** công nghiệp phát triển, giảm nhanh xuất khẩu.

 **D.** tổng thu nhập quốc dân ổn định, trả được nợ nước ngoài.

 **Câu 28.** Đô thị hóa ở Mỹ La tinh **không** có đặc điểm nào sau đây?

 **A.** Quá trình đô thị hóa diễn ra từ sớm.

 **B.** Tỉ lệ dân thành thị cao trong tổng dân số.

 **C.** Nhiều đô thị có số dân từ 10 triệu trở lên.

 **D.** Khu vực đô thị tập trung nhiều di sản văn hóa.

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1 (2,0 điểm):** Cho bảng số liệu:

***GDP/người theo giá hiện hànhcủa một số quốc gia Mỹ La Tinh năm 2000 và năm 2020***

(Đơn vị: USD)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Năm 2000** | **Năm 2020** |
| Ac - hen - ti - na | 7708 | 8579 |
| Bra - xin | 3749 | 6797 |
| Mê - hi - cô | 7158 | 8329 |
| Chi - lê | 5100 | 13232 |

 *(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)*

Nhận xét GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành của một số quốc gia Mỹ La Tinh năm 2000 và năm 2020.

**Câu 2(1,0 điểm):** Gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đem lại những cơ hội gì cho nước ta?

**---------- HẾT ----------**

**4. Hướng dẫn chấm**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**

**MÔN ĐỊA LÍ LỚP 11**

**I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

 *Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| Đáp án | **A** | **C** | **C** | **B** | **D** | **C** | **A** | **B** | **C** | **B** | **B** | **A** | **C** | **C** |
| **Câu**  | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **21** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| Đáp án | **A** | **B** | **C** | **A** | **C** | **A** | **A** | **D** | **D** | **A** | **B** | **D** | **B** | **D** |

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu**  | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **Nhận xét GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành của một số quốc gia Mỹ La Tinh năm 2000 và năm 2020.** | **2,0**  |
| - GDP/người có sự khác nhau giữa các quốc gia (dẫn chứng).- Chênh lệch GDP/người giữa các quốc gia khá lớn.(dẫn chứng)- GDP/người của các quốc gia đều có xu hướng tăng lên.- Tuy nhiên, tốc độ tăng GDP/người không giống nhau:+ Chi - lê tăng nhanh nhất (dẫn chứng)+ Ac - hen - ti - na tăng chậm nhất (dẫn chứng)*Thiếu dẫn chứng chỉ tính 0,25 điểm.* | 0,50,50,50,5 |
| **Câu 2** |  **Gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đem lại những cơ hội gì cho nước ta?** | **1,0** |
| **-** Thị trường mở rộng. - Thu hút vốn đầu tư nước ngoài. - Chuyển giao khoa học, công nghệ, kinh nghiệm quản lý.- Thúc đẩy sản xuất phát triển.- Tăng cường hợp tác với các nước.……. *(Mỗi ý đúng được 0,25 điểm) Điểm tối đa 1,0 điểm.* |  |